

TRUNG QUÁN LUẬN SỚ

QUYỂN 8 (Phần 1)

PHẨM NGHIỆP THỨ MƯỜI BẢY

Phẩm này vì năm hạng người mà có:

1/ Bộ Hữu ngã: Có người, năng tạo nghiệp, nghiệp được quả. Có người làm, có người thọ. Vì pháp chấp này, nên có phẩm này.

2/ Bộ Vô ngã: chỉ cho rằng có thể của nghiệp, năng cảm quả.

3/ Bộ không có “người”, không có “pháp” của Tiểu thừa cũng biết nghiệp là không, chỉ là phân tích pháp, nói về “không”.

4/ Tà kiến Phương Quảng cho rằng không có nghiệp quả.

5/ Người học Đại thừa không có đối tượng chứng đắc, khiến họ tiến hành. Vì sao? Vì pháp chấp khó dứt trừ, như nói rằng: “Sơ địa vẫn có pháp, ngã chấp, cho đến Bồ-tát Thập địa vì thấy pháp có tánh, nên nhận thấy Phật tánh không rõ, cũng nói vì ở Thập trụ, nên thấy Phật tánh không rõ ràng.

Lại, ý của phẩm này có chung, riêng:

Nói chung có bốn:

1/ Luận này trải suốt pháp, nói Trung đạo, phát quán trong nhân, dập tắt các phiền não.

Nay, y cứ môn nghiệp, nhằm biểu thị rõ Trung đạo, nên bài kệ dưới nói rằng:

“Dù “không” mà không “đoạn”,

“Dù “hữu” mà không “thường”.

Văn xuôi giải thích: “Về nghĩa mà luận này đã nói, vì là “đoạn”, “thường”, nên biết vì y cứ nghiệp để nói về trung quán, nên nói phẩm này.

2/ Các kinh Đại thừa đều nói về nghĩa sám hối, chuyển nghiệp. Như phẩm Sư Tử Hống của kinh Niết-bàn nói: “Tất cả các nghiệp đều không có tánh nhất định, chỉ có ngu, trí: người ngu thì cho nghiệp nhẹ là nghiệp nặng”, “không” mà thành “có”; còn người trí thì chuyển nặng

thành nhẹ, “chuyển” “có” thành “không”.

Nay, nói nếu chấp nghiệp quyết định, thì là kẻ ngu; như phẩm này quán nghiệp, gọi là người trí.

Kinh Phổ Hiền Quán nói rằng: “Tất cả biển nghiệp chướng đều sinh từ vọng tưởng, nếu người muốn sám hối thì ngồi thẳng, nhớ nghĩ thật tướng. Từ vô thủy đến nay, chúng sinh đã khởi nghiệp sáu đường vừa sâu, lại lớn, nên ví dụ nghiệp như biển. Vì thế, nếu không phải quán thật tướng, thì không do đâu mà diệt được nghiệp.

Nay, phẩm này quán nghiệp, tức là thật tướng, nên có thể diệt trừ nghiệp chướng, thành ra nói phẩm này.

3/ Nội, ngoại, Đại, Tiểu dù đã lập nghĩa các nghiệp, nhưng đều không thành, như Tu-bạt-đà-la cho rằng: “Quả báo của chúng sinh đều do nghiệp dĩ vãng, không có duyên hiện tại:

1/ Ni-Càn Tử nói: “Tất cả các nghiệp chắc chắn sẽ thọ báo. Nay, dù tu đạo, nhưng không thể dứt trừ được nghiệp.”

2/ Như phái Tát-Vệ chấp ba đời là “có”. Chúng sinh chưa tạo thiện, ác, nhưng vị lai đã có nghiệp thiện ác, lại hai nghiệp thiện ác dù đã dứt, nhưng thể quá khứ, sau cùng vẫn có.

Như thế, gọi là đã khởi lên trong môn nghiệp, quyết định có chấp họ không biết rằng, bản tánh của nghiệp này, tự nó là không, nên không biết Đệ nhất nghĩa đế, cũng không biết nghiệp như ảo thuật, chiêm bao, nên cũng mê thế đế.

Nay, phá hai đế này, vì không thuộc về nghiệp, nên nói là phẩm Quán nghiệp.

Phái Thành Thật dù biết nghiệp là giả, mà phân tích nghiệp được “không”, cũng làm hư hoại thế đế, đã phá hoại thế đế, cũng hoại chân đế.

Bài kệ dưới nói: “các nghiệp vốn bất sinh, vì không tánh có nhất định, nên các nghiệp cũng không diệt. Vì nghiệp kia không sinh, há có thể phân tích nghiệp, thì nghiệp mới “không” ư?

Nay, người phá những nghiệp này, để nói bản tánh của nghiệp là “không”, nên nói là phẩm Quán Nghiệp.

4/ Lại, vì tất cả người có đối tượng chứng đắc, vì sợ tội, mới sám hối, nên nói phẩm này. Vì sao? Vì người kia cho rằng, vì gây tạo nghiệp ác, tâm sanh sợ hãi, nên họ dựa vào kinh Đại, Tiểu thừa thực hành sám hối, vì muốn diệt trừ tội lỗi này. Như người này không phải chỉ phạm tội không trừ diệt, mà lại thêm lỗi. Vì sao? Vì lẽ họ vốn khởi tội, cho rằng, tội nghiệp là có danh, có kiến. Lại, muốn thực hành sám hối để

diệt trừ tội này. Đối với tội, khởi chấp “không”. Một khi đã khởi “có”, “không”, tức là phiền não, vì nhân duyên phiền não, nên có nghiệp; vì có “hoặc”, “nghiệp” thì sẽ phải cảm thọ nghiệp báo, nên Tịnh Danh đã quở Lưu Bà Ly: “Không cho tội hai Tỳ kheo này thêm nặng. Phải diệt trừ thẳng, chớ khuấy nhiễu tâm họ.”

Diệt trừ tội thẳng, nghĩa là quán tánh tội này là rốt ráo “không”, như phẩm này đã nói. Cho nên vì người không có phương tiện, có đối tượng chứng đắc, thực hành sám hối, nên nói phẩm này.

Hỏi: “Người như thế có lỗi gì ư?”

Đáp: “Nghiệp vốn không sinh, diệt, nay, lại cho rằng, nghiệp sinh, diệt, há không phải là phá Đệ nhất nghĩa đế hay sao? Đã phá chân, cũng phá tục. Đã phá hai đế thì không có hai tuệ, nên không có Phật, Bồ-tát trong ba đời, mười phương, cũng phá cả thế gian, nên tội của họ rất nặng!”

Hỏi: “Nếu vậy, thì lẽ ra chỉ sám hối thật tướng, không dựa vào pháp môn thiên tỵ, để thực hành sám hối ư?”

Đáp: “Phẩm Nhân Duyên nói: “Phật có hai thứ thuyết:

1/ Thuyết chân thật

2/ Thuyết tùy nghi

Nếu thực hành thật tướng sám hối, vì chúng sinh căn cơ bén nhạy, dựa vào chân thật để nói. Nếu dựa vào thiên tỵ, để bỏ tội, tu phước thì đây là phạm phu, căn cơ chậm lụt, phước mỏng, mà nói, nên pháp thật đáng tin, tùy cơ nghi nói pháp không thể là thật.

Lại, nói phẩm này là vì ngoại đạo tà kiến, như lời nói của sáu sư v.v...: “không có hắc nghiệp, không có báo của hắc nghiệp, không có tội phước, cho nên, nay, nói dù rốt ráo “không”, mà nghiệp thiện, ác vẫn y như cũ, không mất, nên bài kệ dưới nói:

“Như Thế Tôn thân thông

Biến hóa ra con người

Người biến hóa như thế

Lại biến hóa làm người.”

Chẳng lẽ không có nghiệp hay sao?” Vì thế, nên nghiệp của chín đường rõ ràng mà thường có bốn dứt bật.

Như thế, ngộ thì sinh Ba-nhã, với phương tiện cũng sinh bốn trí, tức là vì nhập tri kiến Phật, nên được thành Phật.

Nay, luận Đại thừa này, chính là giúp cho tất cả chúng sinh nhờ môn nghiệp mà sẽ được thành Phật.

Kế là sự sinh gần. Nghĩa là phẩm Phước, Giải nói không có ràng

buộc, giải thoát. Người ngoài nói: “Sự ràng buộc là phiền não, nếu không có phiền não thì làm gì có nghiệp, vì có nghiệp, nên sẽ có phiền não.”

Lại, nghiệp có hai thứ:

1/ Nghiệp hữu lậu

2/ Nghiệp vô lậu.

Nghiệp hữu lậu, gọi là ràng buộc; nghiệp vô lậu, gọi là giải thoát. Đã có nghiệp, thì có ràng buộc, giải thoát.

Hỏi: “Nghiệp có bao nhiêu thứ? Đáp: Nghiệp có nhiều môn, y theo thân, thì có thân, miệng ý. Căn cứ giới, thì có tội phước bất động, y cứ quả báo thì có hiện báo, sinh báo, hậu báo, y cứ nhơ, sạch, thì có nghiệp hắc nghiệp bạch, nghiệp lẫn lộn và nghiệp vô lậu.”

Như vậy, một nghiệp, hai nghiệp, ba nghiệp, bảy nghiệp, mười nghiệp, như vẫn có nói rộng.

Hỏi: “Thể của nghiệp là sao?”

Đáp: “Tỳ-đàm, cho rằng sắc, tinh thiện, ác là “thể” của hai nghiệp thân, miệng, dùng “tư” làm thể của ý nghiệp.”

Luận Thành Thật chép rằng: “Ba nghiệp đều lấy tâm làm “thể”, thân, miệng chỉ là công cụ của nghiệp, mà không phải nghiệp.”

Hỏi: “Ba phiền não của ý địa khác với nghiệp thế nào?”

Đáp: “Ba phiền não của Tỳ-đàm hễ khởi, thì đều có chung với “tư”. “Tư” tự nó là nghiệp, ba phiền não thì không phải nghiệp, điều này rất dễ thấy.

Sư luận Thành Thật bác bỏ nghĩa này, lập ra nghĩa chánh: ý tức là nghiệp, lia ý, không có “tư” riêng.

Người Thành Thật nói: Hai nhân tập và báo của pháp thiện, báo thân chính là nghiệp, bên tập nhân chẳng phải nghiệp, gọi chung là nghiệp; bên bất thiện thì có nhiều giải thích khác. Thiện nói: “Tâm bất thiện vừa là phiền não, vừa là nghiệp. Nếu được đạo đối trị để dứt trừ, thì là phiền não mà không phải nghiệp. Nếu với lấy nghĩa sinh thì chỉ nhận lấy người tội nhẹ trước làm phiền não, nhận lấy người tội nặng sau làm nghiệp.”

Trang Nghiêm, Quang Trạch nói: “chấp quyết định là nghiệp; không quyết định là phiền não. Bên mười thứ quyết định như thế gọi chung là nghiệp bên mười thứ không quyết định gọi là phiền não.

Tiếp theo, Sư Kiến Sơ nói: “Bất thiện lại đồng với thiện. Bên nhân tập bất thiện là phiền não; bên nhân báo là nghiệp. Lại giải thích mười sử rằng: “Nghi là phiền não mà không phải nghiệp; năm kiến là

nghiệp mà không phải phiền não; bốn sử còn lại, quyết định là phiền não, không quyết định là nghiệp.

Nay, không luận đồng, khác, các lối chấp có nghiệp, phẩm này tìm kiếm nghiệp cuối cùng là không, nên gọi là phẩm.

Phẩm được chia làm bảy lượt:

Chính là phá thể của nghiệp

Hỏi: “Như sự nối tiếp nhau như mầm v.v... v.v... trở xuống; lượt thứ hai, phá sự nối tiếp của nghiệp:

Hỏi: “Nay, sẽ lại nói v.v... trở xuống, là lượt thứ ba, phá không mất pháp.”

Hỏi: “Nếu vậy, không có quả báo của nghiệp v.v... trở xuống; lượt thứ tư, phá tà kiến đoạn diệt.”

Hỏi: “Nếu các phiền não v.v... trở xuống, là lượt thứ năm, phá quả báo.”

Hỏi: “Dù ông dùng mỗi thứ nhân duyên để phá nghiệp v.v... trở xuống, là lượt thứ sáu, phá người khởi nghiệp.”

Hỏi: “Dù ông dùng các thứ để phá nghiệp v.v... trở xuống, là lượt thứ bảy, phá việc được thấy ở hiện tại.”

Trong mỗi chương đều có: Trước lập; tiếp theo là phá, nên có bảy lập, bảy phá.

Trong lần lập đầu tiên, có văn xuôi và kệ. Văn xuôi có bốn:

Hỏi: “Dù ông đã phá các pháp: phần thứ nhất, nhắc lại Luận chủ phá.”

“Mà nghiệp quyết định có: phần thứ hai, người ngoài lập nhân của nghiệp.

Như trong kinh Pháp Cú nói: “Chẳng phải hư không, chẳng phải dưới biển, dù có lẩn tránh, cũng không thoát khỏi nghiệp, nên gọi là quyết định có. Vì thế, nên nghiệp lực trong mười lực của Phật rất sâu, có năng lực làm cho tất cả chúng sinh đều phải thọ quả báo.”

Trên, đã nói về nghiệp nhân, sau đây, sẽ nói về được quả:

Đức Thích Ca thọ chín tội: Trong quá khứ, Đức Thích Ca đã dùng lưới châu gai đâm vào chân Điều Đạt, nên hôm nay phải chịu báo cây giáo gỗ. Bồ-tát Mục-liên dùng thần thông cứu mẹ mà mẹ không khỏi khổ ở nạ quý. Đức Thế Tôn phải tránh gai để đi. Do nghiệp báo quyết định, nên bị gai đâm, Như lai hóa thành cây giáo bằng vàng. Trọng ni bị nguy khốn bởi Trần Thái. Các Hiền, Thánh còn không tránh khỏi, huống chi là phàm phu, nên biết quyết định được quả.

“Như kinh nói v.v... trở xuống, là phần thứ ba, dẫn kinh, nói tóm

tất ba nghiệp:

1/ Nghiệp phẩm hạ, nghĩa là kẻ ác vào địa ngục.

2/ Nghiệp phẩm trung: người tu phước sẽ được sinh lên cõi trời.

3/ Nghiệp phẩm thượng: người hành đạo sẽ chứng đắc Niết-bàn.

Hai người trước, là thuộc về nghiệp hữu lậu; một người sau, là nghiệp vô lậu.

“Vì thế các pháp chẳng nên là không v.v... trở xuống, là phần thứ tư, kết, quả Luận chủ.”

Y cứ bài kệ, có năm, được chia làm bốn chương:

I. Nói về một nghiệp

II. Nói về hai nghiệp

III. Một bài kệ nói về ba nghiệp

IV. Hai bài kệ nói về bảy nghiệp

Chương đầu, nói về một nghiệp, tức một nghiệp thiện. Trong nghiệp thiện, chỉ nói về nghiệp Từ, Từ là gốc của mọi điều thiện.

Lại, biết Luận chủ là Bồ-tát, tất nhiên có tâm từ, không nên phá từ, thành ra dẫn riêng:

Con người có thể hàng phục tâm mình, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Đây là nói về công dụng của nghiệp Từ, hàng phục điều ác, làm lợi ích cho chúng sinh. Nhưng nghiệp Từ, làm lợi ích chúng sinh. Đem lại lợi ích cho chúng sinh, tức là hành thiện, khuất phục ác, tức là chỉ thiện.

Lại, hàng phục là chính mình thực hành; đem lại lợi ích, là hóa độ người, đây gọi là người từ thiện. Bởi có từ, nên có thể khuất phục điều xấu ác, giúp ích chúng sinh, tự thực hành, hóa độ người.

Hạt giống của quả báo hai đời: Trên, đã nói về nhân hạnh. Nay, sẽ nói về được quả. Hạt giống là nhân.

“Đại Thánh có hai nghiệp v.v... trở xuống, là chương thứ hai, nói về hai nghiệp: Trước, đã nói về một nghiệp, là nghiệp riêng, vì chỉ nói mỗi nghiệp từ thiện. Nay, nói nghiệp chung, có cả thiện ác. Lại ở trước nói riêng về nghiệp dụng nay nói về thể của nghiệp. Nửa kệ trên nói hai nghiệp, mà nêu Đại Thánh, là vì e rằng Luận chủ sẽ phá, nên dẫn thuyết Phật để làm chứng.

Tiếp theo, nửa kệ, đều là v.v.. trở xuống là ba nghiệp, bảy nghiệp làm chương môn. Một bài kệ tiếp theo, chia hai nghiệp làm ba nghiệp, tức là giải thích nghĩa của hai nghiệp trên.

Nửa bài kệ trên, nói về ý nghiệp; nửa bài kệ dưới, nói về nghiệp thân, miệng.

Tiếp theo, hai bài kệ nói về bảy nghiệp:

Có người nói: “Thân, miệng được chia làm hai: nghiệp hữu tác, nghiệp vô tác, cho nên thành bốn. Vì tùy nhận lấy một nghiệp trong thiện, bất thiện, nên làm thành năm nghiệp. Có thiện, ác từ trong dụng, vì cũng tùy nhận lấy một, nên thành sáu, tư, tức là bảy.

Hai cách giải thích: “Hữu tác, vô tác trong thân, hữu tác, vô tác trong miệng thành bốn. Thiện từ dụng; ác từ dụng, thành sáu và Tư là bảy. Sư Đàm Ảnh lại nói: “Đây là Thanh Mục giải thích.”

Lại giải thích: “Hai giải thích trước, đều có lỗi. Nay, nói hữu tác, vô tác trong thân, hữu tác, vô tác trong miệng. Bốn trường hợp này đồng với cách giải thích thứ hai. Đối với điều thiện, từ trong công dụng, tự có sự ở thiện, lại có điều thiện từ tác dụng và Tư, thành bảy nghiệp. Cách giải thích này là y cứ tự bảy trong thiện; tự bảy trong ác. Vì sao? Vì thân tự có tác thiện, vô tác thiện. Miệng thiện cũng thế. Có sự từ trong tác dụng, ở thiện, điều thiện từ tác dụng. Về tội, cũng tự có sự ở tội và tội từ tác dụng, giống như tạo kinh, việc này ở điều thiện. Nếu đổi qua tụng kinh thì tức là điều thiện từ tác dụng. So với văn xuôi dưới, có đủ ý này. Nay, người giải thích chia bài kệ làm hai:

- Chính là nói về thể của bảy nghiệp;

- Một câu sau cùng, khen ngợi công dụng của bảy nghiệp.

Y cứ phần đầu lại có hai:

1/ Một hàng rưỡi bài kệ, nói về sáu nghiệp của thân, miệng.

2/ Một câu “hữu”, nói về ý nghiệp, tức là bảy.

Y cứ phần đầu lại có hai:

Một bài kệ trước, nói về nghiệp trong của thân, miệng; nửa bài kệ tiếp theo, nói về nghiệp ngoài của thân, miệng.

Nói trong: Vì tự khởi nghiệp thân, miệng, nên gọi là trong; từ người khác mà sinh ra, gọi là ngoài. Hai nghiệp thân, miệng đều không ra khỏi trong, ngoài này.

Y cứ trong hai nghiệp thân, miệng lại chia làm hai:

Nửa bài kệ trên, nói về tướng của nghiệp.

Nửa bài kệ dưới, nói về tánh của nghiệp.

Thân nghiệp và miệng nghiệp: câu này nói chung về hai nghiệp thân, miệng.

Nghiệp tác với vô tác: Nói riêng về hai nghiệp thân, miệng. Thân có tác, vô tác, miệng có tác, vô tác, nên lấy tác, vô tác để giải thích về hai nghiệp thân, miệng.

“Trong bốn việc như thế v.v... trở xuống, là thứ hai, nói về tánh

của nghiệp. Bốn sự, nghĩa là hữu tác, vô tác của thân; hữu tác, vô tác của miệng, gọi là bốn việc.

Vừa thiện, vừa bất thiện: Tác, vô tác, chỉ có hai tánh thiện, ác. Nghiệp vô ký này dù có tạo tác, vẫn không gọi là nghiệp. Hơn nữa, hai nghiệp thiện, ác có thể phát ra vô tác, vì sức vô ký yếu, không phát ra vô tác, nên nói thiện, bất thiện.

“Từ dụng v.v... trở xuống, là từ trên đến đây, đã nói về bốn nghiệp trong rồi, nay, tiếp theo, sẽ nói về hai nghiệp ngoài.

Nghiệp trong ở trên có hai:

- 1/ Môn nghiệp tướng
- 2/ Môn nghiệp tánh

Nay, nghiệp ngoài cũng có hai: Ba chữ: “từ dụng sinh”, là môn nghiệp tướng, nhưng từ dụng có hai:

- 1/ Thân từ dụng
- 2/ Miệng từ dụng

Thân từ dụng: Như thân chuyền áo cho người, nếu người khác nhận dùng, mặc vào, tức là sinh ra thiện vô tác, thuộc về thí chủ, gọi là vô tác của thân.

Vô tác của miệng: Như Pháp sư giảng nói, người học thuật lại lời Pháp sư, liền sinh ra vô tác của miệng, thuộc về Pháp sư.

Hỏi: “Nghiệp trong có đủ hữu tác, vô tác; nghiệp ngoài cũng có hữu tác, vô tác, vì sao chỉ nói nghiệp về hai thứ vô tác của thân, miệng là nghiệp ngoài ư?”

Đáp: “Vì muốn nói một người có đủ bảy nghiệp, nhưng nghiệp trong có bốn nghiệp hữu tác, vô tác của thân, miệng, thuộc về người tu hành. Kế lại có hai nghiệp vô tác, thuộc về người tu hành. Nếu hai thứ tác nghiệp đều từ tác dụng, thì vì thuộc về người trước, nên không đếm, vì thế, nên chỉ dùng hai vô tác.

“Hai chữ phước đức v.v... trở xuống, là phần thứ hai, nói về môn tánh của nghiệp ngoài. Tánh của nghiệp trong đã có thiện; tánh của nghiệp ngoài cũng có thiện, bất thiện. Có người đếm tội, phước làm hai, điều này không đúng, vì nếu chia tội, phước làm hai, thì trong nghiệp nội trước, lẽ ra cũng đếm được, không nên nói rằng: “Có thiện, bất thiện trong bốn việc như thế, vì trước kia đã không nhận lấy thiện, bất thiện, nay đây cũng vậy.

Sáu thứ trong, ngoài này là nghiệp của thân, miệng, thứ bảy gọi Tư, tức là ý nghiệp.

Có thể hiểu rõ tướng của các nghiệp: phần thứ hai, khen ngợi.

Nhận biết tinh tường về bảy nghiệp này: có thể hiểu rõ tất cả các nghiệp hữu tác vô tác trong, ngoài của thân, miệng.

Hỏi: “Vì sao người kia lập ra số bảy này?”

Đáp: “Số bảy này là số của một khoa, gồm đủ nghĩa, sự. Số bảy đó cũng là bốn dòng loại của ba thứ hắc, bạch, như thiện ác v.v....”

Văn xuôi lại dựa theo trình tự của bài kệ để giải thích:

Bài kệ thứ nhất, trước là giải thích bảy nghiệp:

“Là bảy thứ v.v... trở xuống, là kệ giải thích ý nghiệp nội khen thứ hai.”

Từ văn đầu, giải thích sáu nghiệp của thân, miệng.

“Thứ bảy, gọi Tư v.v... trở xuống, là giải thích ý nghiệp thứ hai.”

Y cứ giải thích sáu nghĩa lại chia làm hai:

1/ Chính là giải thích sáu nghiệp, như vậy, gọi là sáu thứ sáu nghĩa tổng kết thứ hai.

Phần đầu lại chia làm hai:

1/ Giải thích nghiệp trong

“Lại có từ dụng sinh v.v... trở xuống, là phần thứ hai, giải thích nghiệp bên ngoài.”

Trong giải thích nghiệp bên trong, trước giải thích môn thể, tướng của nghiệp trong nửa kệ trên.

“Hai thứ có thiện, bất thiện này v.v... trở xuống, là giải thích môn nghiệp tánh.”

Phần đầu lại có hai:

1/ Giải thích câu thứ nhất, nói chung về hai nghiệp thân, miệng.

“Bảy thứ này v.v... trở xuống, là giải thích phần thứ hai, nói về hữu tác, vô tác.”

Đáp: “Nghiệp dừng lại, cho đến thọ báo v.v... trở xuống, là phần thứ hai, Luận chủ phá.”

Ở trên tuy một nghiệp cho đến bảy nghiệp, đều nói về được quả.” Nay, hỏi chung:

“Nghiệp vì chờ quả khởi rồi mới diệt, hay lúc quả chưa khởi, nghiệp đã diệt ư? Nếu đợi quả khởi mới diệt, thì nghiệp là thường. Nay, nghiệp là pháp hữu vị, một niệm còn không dừng, há được chờ quả khởi rồi mới diệt. Nếu khi quả chưa khởi, mà nghiệp đã diệt, thì sẽ không có nghiệp nữa, cái gì dẫn dắt đến quả ư?”

Tát-bà-đa nói: “Hiện tại khởi nghiệp thiện, ác. Tướng quá khứ, hiện tại mà đi vào quá khứ, là thuộc về đắc đắc đối với người tu hành. Về sau, nếu quả khởi lên đắc này, thì tức là đoạn. Nghĩa này có đủ

đoạn, thường: khởi mà dứt diệt ngay là “đoạn”, ở quá khứ mà không diệt là “thường”.

Tăng-kỳ, Đàm-vô-đức, phái thí dụ đồng nói nghiệp hiện tại chấm dứt, thể quá khứ là “không”, mà có nghĩa “từng có”, cho nên được quả. Cách nói này cũng có đủ đoạn, thường. Lui về quá khứ là “đoạn”; có nghĩa “từng có”, là “thường”.

Tiếp theo, Ca-Diếp-Tỳ dùng, nghĩa của cả hai nhà, ông ta nói: “Nghiệp hiện tại được chấm dứt ở quá khứ lúc chưa được quả là thường còn.” Nghĩa này cũng đồng với nghĩa “thường” của Tát-bà-đa. Về sau, khi quả khởi, nghiệp này lại dứt diệt “không còn”, đồng với nghĩa “đoạn” của Tăng-kỳ.

Tiếp theo, Sư Thành Thật, Trang Nghiêm rằng: “Nghiệp đã dứt, thể của quá khứ là “không”, mà vì có nghĩa “từng có”, nên được quả”, dẫn văn luận rằng: “Như các thiên quá khứ đã từng có ở nơi tâm. Nếu cho quả báo, thì sẽ không bị hại. Tiếp theo, Khai Thiện nói: “Nghiệp đã chấm dứt trong quá khứ, vì thành tựu đến, hiện tại, nên trong tâm hiện tại, có nghiệp thành tựu, có nghiệp hiện khởi.” Văn Luận nói: “Xưa, khởi tâm tham nối tiếp nhau đến nay, vì tâm hiện nay không khác xưa, nên nói: “Ta có”.

Những quan niệm như thế, cũng không là “đoạn”, “thường”, nhập vào bài kệ hiện nay để phá.

Sư Nhiếp Luận rằng: “Lê-da gìn giữ hạt giống thiện, ác thế gian, xuất thế gian, cho nên được quả. Nay dựa vào bài kệ để trách: hạt giống vì chờ đợi quả mà diệt hay chưa khởi đã diệt? Nếu đợi quả khởi mà diệt, tức là “thường”, còn chưa khởi mà đã diệt, thì sẽ không có quả báo.”

Hỏi rằng: “ v.v... trở xuống, là lượt thứ hai, phá nghĩa nối tiếp nhau của nghiệp. Trước lập, kế là phá.

Trong lập được chia làm hai phần:

Phần đầu, nói chung nghiệp nối tiếp nhau, là “đoạn”, “thường”; phần thứ hai, là nêu riêng mười nghiệp thiện có công năng được quả báo.

Phần đầu lại có hai: Hai bài kệ trước, nói pháp ngoại nối tiếp nhau là đoạn, thường, tức là dụ thuyết; hai bài kệ sau, tức là pháp nội nối tiếp nhau là đoạn, thường, tức là hợp dụ.

Hai bài kệ trước được chia làm ba:

1/ Kệ đầu chính thức nói nối tiếp nhau

2/ Nửa kệ nói vì nối tiếp nhau, nên có quả.

3/ Nửa kệ, kết là đoạn, thường văn dễ hiểu

“Nhân duyên quả báo của nghiệp thiện này v.v... trở xuống, là phần thứ hai, nêu riêng mười nghiệp thiện, năng được quả báo.

Sở dĩ nêu riêng mười điều thiện, là vì đồng với nghĩa của nghiệp Từ nói trên. Từ là nghiệp vượt hơn trong các nghiệp thiện; mười điều thiện cũng vậy.

Luận Trí Độ nói: “Có” Phật, hay “không” Phật, cũng thường có mười điều thiện, nếu mười điều thiện là thiện cũ, hoặc là việc thiện khác, hễ có Phật thì “có”, không có Phật thì “không”, gọi là khách thiện.

Hỏi: Văn nói: “Mười nghiệp đạo thanh bạch, thế nào là Nghiệp?, thế nào là Nghiệp đạo ư?”

Đáp: “Kinh, luận nói không đồng: kinh Ưu-bà-tắc nói: “Mười sự như thế, ba sự là “nghiệp” mà không phải “đạo”; bảy sự vừa là nghiệp, đạo.”

Nay, phải hội ý để giải thích: “Kinh chính là nhận lấy ý làm nghiệp, chỉ vì ý không tự đi suốt qua nên là nghiệp mà không phải đạo.”

Luận nói ba phiến nào khởi nghiệp mà không phải nghiệp, nên nói rằng đạo mà không phải nghiệp, đều y cứ ở một đường.

Luận sư nói bốn quan điểm:

1/ Nghiệp mà không phải đạo, như kinh Ưu-bà-tắc.

2/ Đạo mà không phải nghiệp, như luận nói ba phiến nào.

3/ Vừa là nghiệp, vừa là nghiệp đạo, như bảy nghiệp.

4/ Chẳng phải nghiệp, chẳng phải đạo, như sắc, thanh của thân, miệng.

Sư Tỳ-đàm cũng nêu ra bốn quan điểm, rất khác với bốn quan điểm trên đây:

1/ Đạo mà không phải nghiệp, nghĩa là tham, sân, tà kiến, có thể nói Từ là đạo, vì thể không phải tự nêu chẳng phải nghiệp.

2/ Nghiệp mà không phải đạo, tức “Từ” đúng vậy.

Vì “Từ” tạo tác, nên gọi nghiệp. Vì không có “từ” nữa, nên không phải đạo của Từ.

3/ Vừa nghiệp, vừa là đạo, tức thân, miệng có bảy, đương thể là nghiệp. Lại nói “Từ” là đạo.

4/ Chẳng phải nghiệp, chẳng phải đạo, tức ba căn bất thiện trước đây của “Từ”, vì chỉ năng sinh ra “Từ”, không thể nói “Từ”, nên không phải đạo, mà lại vì không phải “từ” nên không phải nghiệp.

Hỏi: “Dựa vào Luận Trí Độ, ba phiến nào là đạo, không phải nghiệp. Nay, sao lại nói mười nghiệp đạo? Luận chủ đáp:

“Vì thiếu số theo đa số, nên đều gọi nghiệp đạo.”

Đáp rằng: “ v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá.

Sở dĩ bác bỏ chung là vì

1/ Dù người ngoài có cách bào chữa này, nhưng sau cùng, vẫn không lia “đoạn”, “thường”, cho nên không thọ nhận.

2/ Vì muốn để đến phần tổng kết sau, sẽ phá cùng một lúc, cho nên, trong đây, chỉ bác bỏ sơ lược. Vả lại, vì biết thế của nghĩa của họ chưa dứt hết, cho nên bác bỏ thẳng dẫn bào chữa sau của họ, để phá chung một lúc.

- Văn xuôi chia làm hai:

1/ Đoạt phá

2/ “Lại nữa v.v... trở xuống, là giả sử phá”

Hỏi rằng: v.v... trở xuống, là lượt thứ ba, lập pháp không mất.

Trước lập, tiếp theo phá.

- Trong lập, chia làm ba:

1/ Nêu thuyết

2/ Chính thức nói

3/ Giải thích

Hỏi: “Nay, sẽ lại nói thuận với nghĩa quả báo của nghiệp: Phẩm này có bảy lượt phá, lập:

Lượt đầu, lập thể của nghiệp, tức phá.

Lượt tiếp theo, nói nghiệp không đoạn, không thường, nhằm bào chữa lập luận trên của họ, Luận chủ phá ngay.

Nay, lập quả báo của trì nghiệp: bào chữa chung nghĩa trên, cho nên “Nay, sẽ còn nói nữa.”

Thuận với quả báo của nghiệp: Nghĩa đã được lập, phù hợp với nhân quả, không trái với pháp tướng. Nếu Luận chủ phá thì sẽ trái với lý nhân quả, trái với pháp tướng. Vì phù hợp với nhân, quả, nên đã được Hiền, Thánh của ba thừa khen ngợi. Nếu Luận chủ phá, thì sẽ bị Phật, Bồ-tát chê bai.

Một bài kệ này, nói nêu thuyết đã xong.

“Cái gọi là pháp không mất, như khoán nghiệp, như nợ tài vật v.v... trở xuống, là thứ hai là sáu bài kệ, chính thức lập tông nghĩa.

- Y cứ văn, phân làm hai:

1/ Nêu hai chương môn

2/ Giải thích hai môn

Pháp không mất, như tờ hợp đồng, nêu cho môn chương của pháp không mất. Nghiệp, như mắc nợ tài vật, nêu cho môn chương của ng-

hiệp. Nay, sẽ giải thích chung:

Người đời muốn khỏi mắc nợ, cần phải hội đủ bốn thứ:

1/ Là chủ có tài vật

2/ Có người mắc nợ

3/ Lập sổ sách giao kèo, để giữ người mắc nợ, sao cho của cải không mất.

4/ Chủ nợ phải hoàn lại tài vật.

Chủ tài vật: là chúng sinh sáu đường, là chủ mang nợ nghiệp thiện, ác của sáu đường. Lúc tạo nghiệp, tất nhiên có một pháp theo nghiệp khởi, gìn giữ nghiệp, sao cho quả không mất. Như khi nhận lấy tài vật thì phải lập bản hợp đồng. Người (vay nợ) phải trả lại vật cho tài chủ. Nghiệp thiện, ác là nói về quả của sáu đường, cho người tu hành phải thọ lãnh.

Văn luận chỉ nói bản hợp đồng với người mang nợ, chỉ nêu ra việc chủ yếu đó được tồn tại một cách giản đơn.

Hỏi: “Chủ tài khoản bỏ của ra cho người trước, người trước, về sau mới trả nợ, có thể nói là quả đã sinh ra từ chúng sinh và nghiệp, sau đó, nghiệp nói về quả, trở lại người hành động ư?”

Đáp: “Đại khái nêu dụ, không hẳn hoàn toàn hợp. Nếu phải hợp hoàn toàn, thì về nghĩa cũng có hợp. Quả báo của sáu đường đều vì từ trong tâm chúng sinh mà phát ra, nên Địa kinh nói rằng: “Ba cõi đều do một tâm tạo ra.”

Hỏi: “Người ngoài nêu sự này, thì làm sao bào chữa “đoạn”, “thường” ở trên ư?”

Đáp: “Trong việc hiện thấy có đủ bốn thứ này. Hành nghiệp của nhân quả cũng đủ bốn thứ này. Bốn thứ này đã phù hợp với sự lý, mà Hiền, ngu đều tin, tất nhiên, biết được quyết định có nghiệp quả, chỉ vì nghiệp là hữu vi, niệm niệm sinh diệt, cho nên “không thường”. Pháp không mất này, phải được gìn giữ sao cho quả không mất, cho nên không “đoạn”. “Không đoạn”, “không thường”, thì tránh khỏi lỗi trên.

Hỏi: “Nghiệp là hữu vi, niệm niệm sinh diệt; pháp không mất cũng là hữu vi, niệm niệm sinh diệt, thì làm sao được “không đoạn”, “không thường” ư?”

Tam tạng Chân đế nêu Chánh lượng bộ, nói về pháp không mất, công dụng của pháp này là thường, vì phải đợi quả khởi mới diệt, trung gian không có niệm niệm diệt. Ví như tờ hợp đồng, sau khi trả nợ xong, mới xé bỏ.

Hai chương môn này đều có pháp thí, pháp không mất, nghĩa là

pháp thuyết, như tờ hợp đồng là thí thuyết; nghiệp, là pháp thuyết; như nợ của thí thuyết. Nghiệp thiện, như người khác cho nợ của; nghiệp ác như mang nợ của cải của người khác, cũng được thí dụ chung cho nghiệp thiện, ác, phải trả lại báo, như của nợ.

“Tánh này là vô ký”: là phần thứ hai, giải thích hai chương môn:

1/ Môn ba tánh

2/ Môn lệ thuộc, không lệ thuộc

3/ Môn đoạn, không đoạn

4/ Môn giải thích danh

5/ Môn phá “khác”

Hỏi: “Vì sao chỉ phá riêng pháp không mất vô ký, mà không phá chung cả ba tánh để được chuẩn xác hơn?”

Đáp: “Có hai nghĩa:

1/ Được phá chung ba tánh, cũng có thể cảm quả, thuộc môn nghiệp trên. Vô ký không cảm quả, trước chưa phá, nay phá.

2/ Được chung cả ba tánh, đây chỉ là nghĩa của Tiểu thừa, không đúng phá; Vô ký đi suốt qua Đại, Tiểu. Chánh lượng là Tiểu thừa, pháp không mất của A-lê-da là Đại thừa.

A-lê-da, Hán dịch là Vô một thức. Vô là tên khác của “bất”; một là tên gọi khác của “mất”. Lê-da cũng là pháp không mất. Thể của lê-da là quả báo Vô ký, chủ thể duy trì tất cả hạt giống thiện, ác, chính là nghĩa của người ngoài hiện nay.

Lại, sử dĩ trước kia đã nói về môn Ba tánh, là vì đối với hai bộ:

1/ Bộ Hữu khoán: Bộ có hợp đồng

2/ Bộ Vô khoán: Bộ không có hợp đồng

Bộ có hợp đồng, như người Tát-bà-đa, cũng có bốn thứ, nghĩa là giả gọi chúng sinh, như chủ tài vật, tạo ra nghiệp thiện, ác, như người vay nợ của, có riêng được sợi dây, được nghiệp thiện, ác làm cho quả không mất, như tờ hợp đồng. Nghiệp cảm quả, như người trả nợ.

Bộ không có hợp đồng: Người của Phật-đà-Đề-bà, phái Thí dụ, Thành Thật v.v..., chỉ nói ba thứ không có riêng được sợi dây làm tờ hợp đồng, chỉ nói chúng sinh là chủ thể thành tựu; nghiệp thiện, ác đối tượng thành tựu. Nếu tức lấy đối tượng này làm pháp không mất, thì sẽ không có chủ tài khoản riêng, cho nên chỉ có ba.”

Đàm-Vô-Đức nói: Tâm là chủ thể thành tựu, cũng không có pháp riêng là tờ hợp đồng.

Chánh Lượng bộ, trước kia vì đối với nghĩa có tờ hợp đồng, nên đã y cứ ba tánh để phân biệt. Vì sao? Vì Tát-bà-đa nói được sợi dây chung

cho ba tánh. Nếu vậy, được sợi dây đã là thiện, ác, lại còn cảm báo, tức là đồng với nghiệp, đều là người nợ tài vật, đâu gọi là tờ hợp đồng. Cho nên, nay nói nghiệp thiện, ác tự cảm báo mà pháp không mất là Vô ký không cảm báo. Như người vay của vật ở thế gian, tự trả lại nợ, mà tờ hợp đồng không trả nợ, cho nên, lập pháp không mất làm Vô ký.

Hỏi: “Người Số Luận được sợi dây cảm báo nào?”

Đáp: “Bà Sa nói: “Chỉ chạy theo nghiệp cảm mà cảm thọ báo, không thể cảm sinh. Lại, chỉ là nhân báo, vì cảm quả, nên không tạo nghiệp cảm quả, bốn tướng cũng vậy.”

Hỏi: “Vì sao không đồng với bộ không có tờ hợp đồng?”

Đáp: “Trong kinh nói nghĩa có tờ hợp đồng, như Luận Trí Độ dẫn kinh Tập Pháp, các La-hán nói bài kệ: “Tờ hợp đồng của bệnh, già chết đã xé nát.” Đây là nói La-hán đã trả nợ báo quá khứ xong, không còn nhận lấy nợ ở vị lai nữa, tức là tờ hợp đồng, pháp không mất liền tiêu diệt, gọi là xé nát, mà Phật-đà Ha-Lê đã không có pháp không mất riêng, tức “không” có tờ hợp đồng riêng nữa, chỉ vì có người vay của cải, nên không tương ứng với kinh, cho nên không đồng với bộ không có tờ hợp đồng.”

Hỏi: “Có bao nhiêu thứ khác nhau với bộ có tờ hợp đồng?”

Đáp: “Có bốn thứ:

1/ Thường, vô thường khác nhau Tát-bà-đa được sợi dây là vô thường, niệm niệm sinh diệt, Chánh lượng là công dụng “thường”, không có niệm niệm diệt, chỉ có diệt của thời kỳ lớn.

2/ Tờ hợp đồng của Tát-bà-đa vì chung, cho cả thiện, ác, nên cảm báo; còn Chánh lượng nói chỉ vì Vô ký, nên tờ hợp đồng sẽ không cảm báo.

3/ Tát-bà-đa nói: Vì cảm báo, nên nghĩa hợp đồng không thành. Chánh lượng nói không cảm báo, nên nghĩa hợp đồng được thành.

4/ Tát-bà-đa chính là nói: Đã cắt đứt được sợi dây mà chiêu cảm tự dứt. Chánh lượng được Vô ký này, không đoạn Vô ký, chính là đoạn “hoặc” bất thiện, nhưng đồng nói phi sắc, phi tâm, nên không khác, với Tát-bà-đa.

Giải thích về tánh Vô ký này không đồng: Có người nói: “Tánh này vẫn là nghĩa số, nghĩa số được chuẩn xác là chung cho ba tánh. Nay, chỉ giải thích thí dụ tờ hợp đồng trên, người Số luận nói tờ hợp đồng chỉ là Vô ký, như giá trị giữa vàng, đã khác nhau, còn tờ hợp đồng không có quý tiên nên chỉ là Vô ký. Nếu giải thích về pháp thuyết thì chung cho cả ba tánh.

Có người nói: “Tánh này không phải nghĩa Số, mà chính là Phật đà, Thí dụ, Thành Thật, đồng lấy chúng sinh làm chủ thể thành tựu, nên Bà Sa nói: “Theo thuyết của Phật-đà-Đề bà nói: “Chúng sinh không lìa pháp này, gọi là thành tựu. Vì chúng sinh không gánh lấy việc thiện, ác, nên là Vô ký.”

Có người nói: “Bộ Đàm-Vô-Đức nói tâm là chủ thể thành tựu. Tâm không đảm đương việc thiện, ác, gọi là Vô ký, là chủ thể thành tựu thiện, ác.”

Lại, theo nghĩa của Bộ Chánh Lượng, Chánh lượng vốn là luật học. Trong ba trăm năm sau Phật diệt độ, xuất xứ từ bộ Độc tử nói về thể của pháp không mất là Vô ký.

Luận Minh Liễu, là biết do Luận sư Hộ pháp soạn, mà dựa vào nghĩa của bộ Chánh lượng. Luận rằng: “Chánh lượng bộ có hai thứ:

1/ Đến được

2/ Pháp không mất

Pháp không mất, chỉ thiện, ác “có”, pháp ngoài “không”. Lại, chỉ là tự tánh Vô ký, lại đợi quả khởi mới diệt, nếu là đến được thì pháp chung cho ba tánh, chung cho pháp nội, ngoại đều có. Lúc quả chưa khởi, nếu sám hối, thì đến được, bèn diệt, mà pháp không mất dù có sám hối, nhưng tội không diệt, chủ yếu là phải đợi quả khởi, mới diệt. Thí, chung có năm bộ:

Một là Tát-bà-đa, có cả ba tánh, bốn bộ còn lại đều Vô ký; bốn bộ ấy là:

1/ Người Phật đà

2/ Đàm-Vô-Đức

3/ Chánh lượng (luật học)

4/ Nhiếp luận đều là Vô ký

Sở dĩ bốn bộ này đều là Vô ký, vì lý do sâu sắc là nghiệp thiện, ác tự cảm báo. Pháp duy trì nghiệp này vì không cảm báo, nên là Vô ký, như người mắc nợ ở thế gian, tự động trả nợ, tờ hợp đồng không trả nợ.

Phân biệt có bốn thứ, nghĩa là môn trói buộc, không trói buộc thứ hai, chính là Lê-da. Lê-da gìn giữ chung hạt giống trong, ngoài của ba cõi. Duy trì hạt giống ngoài ba cõi, tức không lệ thuộc, đem ý của Nhiếp luận để giải thích nghĩa này, rất dễ hiểu.

Theo nghĩa của Số luận, được sợi dây chung cho hữu lậu, vô lậu, hữu lậu thì thuộc về ba cõi, vô lậu thì không lệ thuộc. Theo nghĩa được có bốn, chúng sinh sáu đường là người hữu lậu, hiền Thánh ba thừa là

người vô lậu. Theo Đàm-vô-đức thì tâm có cả hữu lậu, vô lậu, cũng có bốn.

Có người nói: “Bốn thứ, là: Bốn Vô ký: báo sinh, oai nghi, công xảo, biến hóa. Nay, pháp không mất là Vô ký báo.”

Bộ Chánh Lượng tự có bốn vô ký:

1/ Vô ký căn bản

2/ Vô ký tự tánh

3/ Vô ký hữu phú

4/ Vô ký vô phú

Vô ký căn bản, là tâm vương và tâm sở. Vô ký tự tánh, nghĩa là trừ sắc, thiện, ác, sắc của thân, miệng Vô ký khác và tất cả sắc ngoại.

Vô ký hữu phú: hai kiến bên thân, và phiền não của hai cõi trên.

Vô ký vô phú: Vô ký bạch tịnh.

Bốn Vô ký trên đây, thâm nhiếp bốn Vô ký của người Số luận, nghĩa là oai nghi, công xảo, báo sinh và biến hóa. Tâm trong bốn thứ này thuộc về sắc căn bản, là thuộc về Tự tánh nên thuộc về hai Vô ký.

Nay, dựa theo Thanh Mục nói là pháp không mất. Vì lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc, nên nói là , bốn thứ. Cho nên có cả bốn thứ, bộ Chánh lượng nói: “Tùy khởi lên một ý niệm thiện, ác, thì sẽ có khởi chung với pháp không mất, làm cho quả không mất. Nếu khởi nghiệp lệ thuộc ba cõi, thì có pháp không mất thuộc về ba cõi; pháp không mất là lệ thuộc ba cõi khởi nghiệp vô lậu, cũng có khởi chung với pháp không mất. Pháp không mất, gọi là không lệ thuộc.

Hỏi: “Pháp không mất, là lệ thuộc ba cõi có thể là Vô ký. Đã gọi không lệ thuộc tức là vô lậu, sao gọi Vô ký ư?”

Đáp: “Có người nói: “Bộ này lập Vô ký, vô lậu, nên không ngăn ngại. So sánh như Tát-bà-đa nói một vô vi là vô ký, mà là vô lậu.

Luận Thành Thật nói ba thức, tưởng, thọ của la-hán, là Vô ký, là vô lậu. Nay, dù được đối với vô lậu, gọi là vô lậu, mà là vô ký, nên pháp không mất cũng là vô ký.

Nay, cho rằng, bộ Chánh lượng chỉ có nghiệp thiện, ác khởi, là có pháp không mất. Nếu vô lậu là pháp khác khởi, thì chỉ có “chí đặc”, chứ không có pháp không mất, mà nói rằng phân biệt có bốn, nghĩa là trên đây nói chung Vô ký.

Nay, phân biệt rộng hơn thì “pháp không mất” của nghiệp ba cõi là Vô ký. Nghiệp được gìn giữ đã thuộc về ba cõi, pháp của chủ thể gìn giữ, cũng thuộc về ba cõi.

Nếu không lệ thuộc thì đây là chí đặc có cả ba tánh.

Vì sao? Vì nếu pháp không mất, chung cho lệ thuộc, không lệ thuộc, thì lẽ ra phải có cả đoạn, không đoạn. Dưới đây, không nên nói nghiêng về kiến đế không dứt trừ, tư duy đã dứt trừ, mà dưới đây, sẽ nói riêng về dứt trừ của kiến đế kia, chẳng nói không dứt trừ, tức biết Vô ký là giải thích nghiêng một bên pháp không mất, không giải thích đến được.

Nhiếp luận quán lâu dài Lê-da là tâm quả báo sinh tử, là hữu lậu, mà Lê-da vì chung cho cả trong, ngoài ba cõi, nên có cả hữu lậu, vô lậu, thành thử có bốn thứ

Kiến đế không dứt trừ, chỉ tư duy dứt trừ, nghĩa là phân biệt môn dứt trừ, không dứt trừ thứ ba.

Nhiếp luận dựa vào nghĩa của Đại thừa, nhằm phá kiến tư, Tư: Sơ địa là kiến đạo, nhị địa đến Kim cương là Tu đạo. Lúc Lê-da đến tâm Kim cương đối trị bờ mé, thì bản thức hoàn toàn diệt. Lê-da đã là tâm quả báo, là thuộc về khổ đế. Giải thích dần, nói về tâm quả báo sinh tử diệt dần. Đến khi đối trị bờ mé, Tập đế dứt hết trong đoạn Lê-da, biên Khổ đế của Lê-da cũng diệt, thật ra thì không đoạn.

Căn cứ giải thích của kiến, tư, dứt trừ hạt giống kiến, tư “hoặc” trong bản thức, chỉ là đoạn Tập rồi, mà bờ mé Khổ đế của Lê-da, đều không bị dứt trừ, nhưng vì “Tập” diệt, nên “Khổ” cũng diệt.

Văn này nói Kiến đế không dứt trừ “hoặc”, mà tư duy dứt trừ, nghĩa là Lê-da là Vô ký báo khổ đế của sinh tử, bị “duyên” của kiến, tư “hoặc” ràng buộc. Giải của kiến đế đoạn “duyên” ràng buộc không hết; giải của tư duy dứt trừ hết “duyên” ràng buộc, nên nói kiến đế không dứt trừ, tư duy dứt trừ. Phật, người và chúng sinh là quả báo Vô ký.

Đàm Vô Đức nói: “Tâm là Vô ký”. Chánh Lượng nói “pháp không mất” là Vô ký. So sánh đồng với nghĩa này đều không bị dứt trừ, đều cùng bị “duyên” hai “hoặc” ràng buộc. Kiến đạo dứt trừ không hết, vì tư duy dứt trừ ràng buộc hết, nên nói là đoạn.

Hỏi: “Cũng được giải của Kiến đế khởi, gây tổn hại cho bản thức, bản thức chưa hết, đến đối trị bờ mé, bản thức đều hết, được minh họa đây là kiến đế không đoạn, tư duy đoạn ư?”

Đáp: “Cũng có nghĩa này, chỉ vì văn này biện luận về dứt trừ, mà Lê-da là vô ký báo, không có nghĩa bị dứt trừ.”

Người của Đàm-Vô-Đức nói: “Đều là không dứt trừ nghiệp, mà chỉ dứt trừ phiền não, thì hạt giống nghiệp tự nó sẽ khô héo.”

Người Số luận được chuẩn thẳng chung cho cả dứt trừ, và không dứt trừ, không được giải thích văn này.

Luận Thành Thật cho rằng: “Người giả không có pháp bị dứt trừ, chỉ đạo vô học bỏ người giả, nhập Niết-bàn, cũng không phải dứt trừ.”

Chánh Lượng nói: “Kiến đế chỉ dứt trừ tám mươi tám phiền não bất thiện mà thôi. Vì không dứt trừ pháp Vô ký, nên không dứt “pháp không mất”.

Luận Minh Liễu nói: “Khởi một niệm ác có hai:

1/ Đến được

2/ Pháp không mất

“Đến được” đã có cả ba tánh. Nếu khởi tâm sám hối, thì “đến được” sẽ diệt ngay, mà “pháp không mất” chẳng phải là bất thiện. Lúc đạo đối trị khởi, không dứt trừ, mà chủ yếu là phải được quả, nên bậc La-hán thọ nhận quả, đây là vì duy trì “pháp không mất”.

Hỏi: “Hoặc” của Kiến đế đã ràng buộc Vô ký ra sao?”

Đáp: “Vô ký thuộc về Khổ, Tập, “kiến đế hoặc duyên lý, “Khổ”, “Tập” mà ràng buộc lý Khổ, Tập, nên ràng buộc Vô ký.”

Hỏi: “Lẽ ra chỉ đoạn “hoặc” trong tâm, sao lại đoạn “hoặc” trên cảnh sở duyên?”

Đáp: “Vì dứt “hoặc” trong tâm, nên “hoặc” trên cảnh của đối tượng duyên sẽ đoạn, nên nói đoạn.”

Vì “pháp không mất này, nên các nghiệp đều có quả báo: là Phần thứ tư giải thích danh, vì Kiến đế không đoạn, chỉ tư duy đoạn, thì nghĩa Vô ký thành.

Nghiệp có khả năng gìn giữ làm cho quả không mất, nên gọi là “pháp không mất”. Đây là kết thành chánh nghĩa nếu sở đoạn của kiến đế mà nghiệp đến tương tự: là thứ năm phá môn Dị.

Sư Đàm Ảnh nói: “Kiến đế dứt trừ đều không có vô ký, hoàn toàn được báo. “Pháp không mất” này đều là đối tượng dứt trừ của Kiến đế, thì sẽ được báo. Kiến đế ấy đã là vô ký, lại được báo Vô ký, nên nói là: “đến tương tự”. Vô ký được báo, gọi là phá nghiệp.

Lại giải thích: “Nghiệp đến tương tự: chí là “chí đắc”, “chí đắc” có cả ba tánh, y cứ bên thiện, ác cũng cảm báo, “pháp không mất” chỉ là vô ký thì không cảm báo. Nay Kiến đế, là dứt trừ “pháp không mất”, cho nên “pháp không mất” cũng là bất thiện, tức là phải cảm báo, vì giống với “đến được”, nên nói rằng: “mà nghiệp đến tương tự”.

Lại, một cách giải thích: “Bốn nhà đều nói “pháp không mất” là vô ký, không bị dứt trừ. Nay, lại nói “pháp không mất” bị dứt trừ, cho nên, “pháp không mất”, tức là cảm tính, chứ không còn là vô ký. Nếu là cảm tính thì có thể cảm báo, tức là nghiệp, nên nói “là nghiệp”.

Đã là nghiệp, thì được quả báo, gọi là đến tương tự. Như nghiệp thiện, được quả vui, gọi là giống nhau. Làm điều ác, mắc quả khổ, cũng gọi là giống nhau. Đây tức là nhân giống nhau, quả giống nhau. Cách giải thích này là hơn.

Hỏi: “Sao gọi là phá nghiệp?”

Đáp: “Pháp không mất”, nếu bị dứt trừ, thì sẽ cảm báo. Vì vô ký cảm báo, nên là phá nghiệp, như vì khiến cho viết tờ hợp đồng trả nợ, nên gọi là phá nghiệp.

“Tất cả các hành nghiệp v.v... trở xuống, là phần thứ hai, giải thích nghiệp trên, như môn chương thiếu nợ tài vật.

Văn, chia ra tám môn:

- 1/ Môn giống, không giống
- 2/ Môn ba cõi
- 3/ Môn nghiệp quả không đi chung
- 4/ Môn nhẹ, nặng
- 5/ Môn ba báo
- 6/ Môn phá “khác”
- 7/ Môn hai diệt
- 8/ Môn lậu, vô lậu

Tất cả các hành nghiệp: là nêu chung nghiệp đã được gìn giữ.

Giống nhau, không giống nhau: chính là phân biệt về nghiệp, chương trước, là nhắc lại “pháp không mất”. Tiếp theo, là căn cứ môn ba tánh để phân biệt:

Nghiệp thiện lại so với nghiệp thiện là giống nhau. Nghiệp ác cũng vậy, gọi là giống nhau. Việc thiện, ác đối lập nhau, gọi là không giống, lại thiện được quả báo vui gọi là giống, thiện đối với quả khổ gọi là không giống, đủ hai nghĩa này.

Có người nói: “Ở cõi Dục, có cả nam nữ, cõi Sắc, không có nam nữ, cõi Vô Sắc, không có hình sắc, gọi là giống nhau. Nếu đối lập lẫn nhau, là không giống nhau. Lần đầu tiên thọ thân ở một cõi, lần thứ hai, dùng môn ba cõi để phân biệt. Trước, đã giải thích môn ba tánh của “pháp không mất”. Sau, là nói về môn giới (cõi), nên nói là: “có chia ra bốn thứ”. Nay cũng vậy. Môn giống, không giống trên, đã giải thích về thể tánh của nghiệp rồi. Nay, sẽ giải thích nghĩa được báo của hai nghiệp. Nghiệp ba cõi không thể đều thọ, vì tùy chiêu cảm báo của một cõi, nên nói một cõi.

“Lúc bấy giờ, báo sinh riêng v.v... trở xuống, là phần thứ ba, môn nghiệp quả không phải đều có. Nghiệp là nhân quả của nhân báo, trước

sau phải cách đời, nên nhân “diệt” trước, quả sinh sau, gọi báo sinh riêng, pháp không mất, chờ báo khởi, liền diệt, cũng là nghĩa báo sinh riêng.

“Hai thứ nghiệp như thế” là môn nhẹ, nặng thứ tư:

1/ Tức hai nghiệp giống, không giống trên.

2/ Trong hai nghiệp giống, không giống, lại có hai nghiệp nhẹ, nặng.

3/ Dựa vào văn xuôi ở sau, từ nghiệp lại sinh nghiệp, cũng gọi hai nghiệp. Sau, sẽ giải thích.

“Hiện đời, thọ quả báo v.v... trở xuống, là môn ba nghiệp báo thứ năm, ba báo không thể đều thọ lãnh. Tùy thuộc nặng, nghĩa là thọ lãnh báo trước kia, nên căn cứ một đời, đồng với nghĩa một cõi ở trên. Vì thế, nên nói: “hiện đời thọ quả báo”.

Hoặc nói: “cảm nhận báo rồi mà vì nghiệp vẫn còn, nên ở môn phá “khác” thứ sáu ở dưới, ở đây có thể có hai nghĩa:

1/ Đối với nghiệp quả trên không phải đi chung, nay sẽ nói về nghĩa nghiệp quả đi chung:

Nhân phải nuôi quả, như quả trong một trăm năm chưa tiêu mất, quả của ba trăm năm trước dù đã thọ lãnh, nhưng nghiệp này vẫn còn, cần phải đến nghiệp một trăm năm mới dứt mất.

Trong mười tám bộ có nhân quả đi chung, tức bộ Phân biệt.

2/ Dựa vào giải thích của văn xuôi ở dưới: Trên, đã nói quả khởi, thì nghiệp diệt, tức là nghĩa hai đời là “không”. Vì thế, nên hề nghiệp đã chấm dứt trong quá khứ, thì đều không có chi cả. Nay, nói về nghĩa hai đời là “có” dù rằng quả lại khởi, nhưng nghiệp đã lui về quá khứ, âm thầm khuất phục có tánh, chẳng được là “không”, nên dưới đây nói rằng: “Vì không niệm niệm diệt”. Đây cũng là nghiệp quả không đi chung, chỉ y cứ hai đời “có”, “không” là khác. Nếu vượt qua quả rồi diệt, là môn hai diệt thứ bảy:

Từ trên đến đây, chỉ giải thích nghiêng về nghiệp, như nợ tài của vật, nói về nghĩa nghiệp hữu lậu của phàm phu. Nay phân biệt khắp nghĩa nghiệp quả hữu lậu, vô lậu của phàm thánh, vượt qua quả đã diệt, được quả trên, bỏ quả dưới, cũng là nghĩa được quả, bỏ hường.

Chết rồi mới diệt: Trên, đã nói về người hữu học của ba quả. Nay, nói phàm phu và La-hán.

La-hán không có quả trên có thể vượt qua, nên nghiệp và báo, chết rồi là diệt. Phàm phu cũng không có quả để vượt qua. Nghiệp của một hình và báo của một hình, chết rồi là diệt.

Trong đây, phân biệt hữu lậu và vô lậu: Môn lậu, vô lậu thứ tám, có thể chia ra ba câu:

- 1/ Được quả, bỏ quả. Hai diệt này chỉ là vô lậu.
 - 2/ Nghiệp quả của phàm phu diệt, chỉ là hữu lậu.
 - 3/ Vì La-hán bỏ, nên nghiệp và báo thân là hữu lậu.
- Nếu bỏ trí, nhập Niết-bàn là Vô lậu.

Phần thứ ba, văn xuôi giải thích. Trước, giải thích bốn thứ, sau, giải thích Vô ký, trái với bài kệ. Nghĩa là trong bài kệ, chính vì đối với Tát-bà-đa, cũng có tờ hợp đồng chung cả ba tánh.

Đầu tiên, nói về tờ hợp đồng là Vô ký, về sau, phân biệt rộng, nên mới giải thích bốn thứ:

Trong văn xuôi, muốn nhận lấy nghĩa Vô ký, giải thích thành Kiến đế không đoạn, nên xoay lại Vô ký ở sau.

“Lại nữa, “pháp không mất” đối với các nghiệp ở một cõi trở xuống, là giải thích nghiệp trên, như môn chương mang nợ tài vật, chỉ nên giải nghiệp lại nhắc lại “pháp không mất”, là vì bộ Chánh Lượng nói tất cả chúng sinh tùy khởi nghiệp của một niệm, sẽ có “pháp không mất”, khởi theo nghiệp, như thế gian cho vay nợ, tùy thuộc ở tiền nhiều, ít, cần phải lập tờ hợp đồng, nên giải thích nghiệp, mà nêu pháp không mất.

Đối với thân hiện tại, từ nghiệp lại sinh ra nghiệp, là giải thích hai thứ nghĩa như thế ở trên. Từ tác nghiệp, sinh ra vô tác nghiệp, cũng là từ nghiệp, sinh ra nghiệp. Lại từ nhân tự phần của nghiệp sinh nhau, cũng là từ nghiệp sinh nghiệp. Như nghiệp thiện ác của niệm trước, sinh ra nghiệp v.v... thiện, ác của niệm sau.

3/ Từ ý nghiệp, lại sinh ra thân, miệng. Lại, từ nghiệp nhẹ, sinh ra nghiệp nặng, như tập lần đầu thì nghiệp nhẹ, tập mãi không thôi, thì nặng.

Nghiệp này có hai thứ: Giải thích thọ báo ngay trong đời hiện tại, nghĩa là từ nghiệp lại sinh nghiệp, không ngoài hai thứ nhẹ, nặng. Tùy theo nghiệp nặng mà nhận lãnh báo trước, nhưng lại có nghiệp mạnh mẽ, nhạy bén lúc sắp qua đời thọ báo, mà không còn nhận lãnh báo của nghiệp trong một đời.

Lại, tự có nghiệp quá khứ đã thành thực, thì thọ báo, không dùng nghiệp một đời, cũng không dùng nghiệp lúc sắp qua đời.

Lại, tự có nghiệp một đời không có nhẹ, nặng, từ hiện hành thọ báo từ nghiệp, nhạy bén.

Hoặc có người nói: “Sau khi thọ báo rồi, nghiệp này vẫn còn, vì

không niệm niệm diệt:

Theo Tát-bà-đa, thì nghiệp diệt ở quá khứ, là đã từng bị ép ngắt bởi bốn tướng. Nay, không còn bị đời đời bởi bốn tướng nữa, nên nói: “không niệm niệm diệt”.

Lại giải thích: “Lại có nghiệp quả đi chung, Nghiệp thì công dụng thường không có niệm niệm diệt, chỉ có diệt trong thời gian dài?”

Đáp: “Nghĩa này đều cùng không lìa lỗi “đoạn”, “thường” v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá.

Hỏi: “Người ngoài có bài kệ lập, vì sao Long Thọ không có bài kệ phá?”

Đáp: “Có hai nghĩa:

1/ Vì chứng tỏ dù người ngoài còn bào chữa lại, nhưng sau cùng, vẫn không lìa “đoạn”, “thường”, nên Luận chủ không đáp, không đáp như thế, tức là đáp.

2/ Nghĩa phá của Luận này có nhiều môn: Tự có, hễ có một lập, thì có một phá. Từ trên đến đây, đã phá, lập. Tự có đối đãi với người ngoài, nghĩa các bộ đã lập đều hoàn tất, đến một thời gian sau mới phá họ, chính là văn này.

Hỏi: “Nếu vậy, vì sao Thanh Mục lại đáp?”

Đáp: “Vì Thanh Mục đã nói rõ lý do Long Thọ không đáp, không phải là đã phá nghĩa của họ. Sở dĩ Long Thọ không đáp là vì họ có bào chữa riêng đi nữa, cũng không có chung, riêng, và vì đã rơi vào quan điểm trước kia rồi, nên không cần đáp nữa.”

Hỏi: “Không lìa “đoạn”, “thường” là sao?”

Đáp: “Pháp này gìn giữ nghiệp đến quả, thì rơi vào “thường” duy trì nghiệp không đến quả, thì rơi vào “đoạn”.

Lại “pháp không mất” nếu niệm niệm diệt, cùng với nghiệp đều “không”, lẽ ra rơi vào “đoạn”. Nếu không niệm niệm diệt, tức là vô vi, thì đâu thể gìn giữ nghiệp. Hơn nữa, “pháp không mất”, không có niệm niệm diệt, thì sẽ rơi vào “thường”; có “diệt” trong thời gian dài tức là nhập vào “đoạn”.

Hỏi: “Nếu vậy, thì sẽ có quả báo của nghiệp v.v... trở xuống, là môn thứ tư, tiếp theo, phá chấp đoạn diệt. Trước hỏi, tiếp theo là đáp. Ý hỏi: Trước, đã “Hai phen tìm “nghiệp” mà không có đối tượng gìn giữ kể lại pháp pháp của nghiệp năng trì. Nếu không có chủ thể gìn giữ, đối tượng gìn giữ, thì sẽ không có nhân; không có nhân thì không có quả, nên Luận chủ là Phương quảng “đoạn”, “không”, cũng là tà kiến của sáu sư?”

Đáp rằng: “ v.v... trở xuống, là hai chương bảy hai bài kệ thứ hai mươi bảy. Hai bài kệ trước, đã trình bày Trung đạo của hai đế, nói nghiệp là “đoạn”, “thường”. Năm bài kệ thứ hai, phá nghiệp của tánh nhất định của người ngoài rơi vào thường kiến.

Phần đầu lại có hai:

Bài kệ trước, nói về hai đế không “đoạn”, “thường”. Bài kệ tiếp theo, nói về Đế nhất nghĩa đế không có sinh diệt. Dù là không cũng không đoạn, nghĩa là người ngoài cho rằng: “Vì Luận chủ chấp “không”, nên rơi vào đoạn diệt.” Cho nên, nay nói dù nghiệp rốt ráo không, nhưng không phải đoạn diệt. Hoặc “không” của tà kiến ngoại đạo, “không” mà Phương quảng nói, “không” mà người Nhị thừa nói đều là đoạn diệt.

Kinh Niết-bàn chép rằng: “Nếu do Thanh Văn mà nói là không có bố thí, thì đó là tà kiến phá giới.”

Luận Trí Độ nói: “Không” của Thanh văn, gọi là “đãn không” nên là đoạn diệt.”

Nay, nói “không” là có “không”, “có” rõ ràng mà “không”. Lại, “không” chẳng dừng ở “không”, gọi là không đoạn. Dù “có” không thường: Người ngoài nói là: “nếu không phải “đoạn”, tức lẽ ra là “thường”, nên gọi: là “Dù có, nhưng chẳng phải thường”, là phá “thường kiến” của họ. Vì “hữu” là “không”, “hữu”, nên “hữu” chẳng phải là “thường”.

Cái “có” mà ngoại đạo, Tiểu thừa và Đại thừa có sở đắc, mà họ đã chấp này tức là thường.

Hỏi: “Văn này luận đủ được ba trung hay không? Đáp: “Được! Dù “không” nhưng biết “không”, chẳng phải nhất định không.

Đã chẳng nhất định “không” thì “hữu” há lại nhất định ư? Lại vì “không”, nên chẳng là “hữu”; vì “hữu”, nên chẳng là “không”, tức Trung đạo Chân đế. Tục đế cũng vậy: vì “có”, nên chẳng chấp mắc “không”, vì “không”, nên chẳng trụ “hữu”, tức tục trung, hợp nói, rất dễ hiểu.

Lại, một thế tạo tác nghiệp chín đường rõ ràng mà bốn dứt, há là “đoạn” ư? Dù bốn dứt, nghiệp của chín đường rõ ràng, há là “thường” ư?

Luận Sư Đàm Ảnh, nêu lên rằng: “Chân đế dù “không” mà “hữu”; tục đế dù “hữu” mà “không”. Dù “không”, mà vì “hữu”, nên “không đoạn”; dù “hữu” mà vì “không”, nên “không thường”, giải thích này là hơn.

Quả báo của nghiệp không mất: là hai ý của nửa bài kệ dưới:

1/ Nói vì nghiệp có đủ hai đế, nên không đoạn, thường, làm cho quả báo không mất. Không có “pháp không mất” riêng gìn giữ nghiệp, khiến không mất. Vì đức Như lai đã dựa vào hai đế nói pháp, nên nói: “Đây là thuyết mà Phật đã nói”.

2/ “Nếu dựa vào v.v... trở xuống, là văn xuôi giải thích:

Nửa bài kệ trên, chính là nói vì nghiệp là hai đế, nên không “đoạn”, “thường”. Đây là trình bày nghĩa chính Trung đạo, tức là đối với trung của nghiêng lệch.

Nửa bài kệ dưới, phá nghĩa tà: “Ông không biết Trung đạo của hai đế, nên nói có “pháp không mất”, rồi cho là thuyết mà Phật đã nói.

Văn xuôi, trước là giải thích nửa bài kệ trên, nêu chung: là “đoạn”, “thường”.

“Vì sao? v.v... trở xuống, là giải thích riêng là “đoạn”, “thường”. Trong phần giải thích riêng được chia làm hai:

Đầu tiên, giải thích nửa bài kệ trên.

“Lại nữa v.v... trở xuống, là giải thích nửa bài kệ dưới:

Bản tánh của nghiệp rất ráo “không”, không phải là trước kia đã có nghiệp diệt rồi, sau đó mới “không”, nên không phải đoạn. Nếu trước kia đã có nghiệp diệt, “rồi”, mới không, tức là đoạn diệt! Đây là giải thích câu đầu.

“Nhân duyên điên đảo v.v... trở xuống, kể là nói nghiệp dù rất ráo “không” nhưng đối với điên đảo, rõ ràng có qua lại sáu đường, cũng không phải là thường. Đây là giải thích câu thứ hai.”

Hỏi: “Vì đối với con người điên đảo, hay là vì không thường?”

Đáp: “Đối với điên đảo là thật có, phần nhiều là thường kiến. Nay, người không điên đảo, biết điên đảo như huyễn mộng, nên là không “thường”.

“Lại nữa v.v... trở xuống, là giải thích nửa bài kệ dưới, nói người ngoài đã ngang trái cho rằng “pháp không mất”, dẫn lầm kinh Phật.

“Các nghiệp vốn không sinh v.v... trở xuống, là kệ thứ hai, nói Đệ nhất nghĩa không sinh, diệt. Nhưng hai đế đều không sinh diệt, nhưng nay nói không có sinh diệt; vì sinh diệt nên tùy nghiệp qua lại sáu đường, gọi là thế đế. Nếu không sinh diệt của sinh diệt, thì không còn qua lại sáu đường nữa, gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Cũng được nói rằng, thế đế vốn không sinh, nay không diệt, vì thế đế vốn không có thật tánh sinh diệt. Nhưng văn này dù là bài kệ của một hạnh, nhưng thật ra là pháp đại sám hối của Phương Đăng, trong sáu thời, thường muốn sám

hối để diệt trừ tội nghiệp, đây là sai lầm. Cho nên nay nói các nghiệp vốn tự không sinh thì đâu có diệt ư? Người nào thể ngộ được thế thì như đây, tội sẽ tự thanh tịnh.

Nay, sám hối của người tu tập không có sở đắc là sám hối sở dĩ như thế là vì người có sở đắc thấy có tội sinh mà sám hối. Sám hối như thế là phạm tội phá thật tướng. Nay, biết nghiệp vốn không sinh, nay cũng không diệt, sám hối có sở đắc là sám hối tội. “Nếu nghiệp có tánh v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá nghĩa của người ngoài. Đây là từ một nghiệp đến bảy nghiệp, cho đến “pháp không mất”, đều phá chung nghĩa ba lượt trên của người ngoài.

Hỏi: “Luận này thường xuyên trước phá tà ngoại, sau trình bày nghĩa nhân duyên chân chính. Nay, vì sao trước tỏ bày chánh, sau phá tà?”

Đáp: “Luận có nhiều thể, không nên một bề chấp lấy. Lại, trước trình bày chánh, là nói nghiệp không rơi vào đoạn, thường, vì muốn chỉ rõ rằng, người ngoài chấp nghiệp, sẽ rơi vào chấp “thường”, nên trình bày ở đây chính là phá.

Năm kệ được chia làm hai: Bốn bài kệ đầu, y cứ môn nghiệp để phá nghiệp; một kệ sau, là nêu phiền não, để phá nghiệp.

Phần đầu lại có hai: Ba bài kệ trước, phá quả báo chưa thọ lãnh của người ngoài. Một bài kệ tiếp theo, phá nghĩa nghiệp quả mà họ đã thọ nhận trong quá khứ, tức là phá nghĩa hai đời là “có” của họ.

Ba kệ đầu, là sinh nhau theo trình tự: bài kệ trước vì nói không có tánh, nên không sinh, không diệt, tức chứng tỏ có tánh là sinh diệt, mà sinh là thường, diệt, là đoạn, nên nay, bài kệ thứ nhất chép rằng:

*“Nếu như nghiệp có tánh ấy
Thì đó gọi là thường
Do vị lai vốn có
Tánh nghiệp há chẳng thường?”*

Lại, hiện tại chấp nghiệp có tánh, cũng rơi vào “thường”, đây là ý chính. Nếu chấp nghiệp có một mảy may tự thể, một mảy may không nhờ duyên, thì gọi là thường, nếu một mảy may pháp nhờ duyên thì sẽ không có tự thể, không có tự thể, thì không có vật không vật thì vốn vô sinh, làm sao có nghiệp? Lời này thật thiết yếu, vì tất cả pháp đều hỏi câu này.

Không tạo tác cũng gọi nghiệp: Vị lai vốn có hai nghiệp thiện, ác. Hiện tại dù không tạo tác, cũng gọi là nghiệp. Lại, hiện tại có một mảy may tự thể của nghiệp, thì không nhờ duyên, tức là vì vốn có, nên là

“thường”, thường thì không thể tạo tác, nghĩa là vị lại vốn tự có nghiệp, cho nên gọi là “thường”, thường, thì không thể tạo tác. Đây là bài kệ thứ nhất, nói lên nghĩa tánh “có”, có lỗi “thường”. Bài kệ thứ hai, chỉ rõ tiếp nữa bài kệ dưới, là không tạo tác nghiệp có lỗi. Nửa bài kệ trên, nói chung không tạo tác có tội.

Nửa kệ dưới, nói riêng về tội lỗi. Nửa trên của kệ thứ ba, là phá lỗi của pháp thế tục. Nửa kệ dưới, nói về lỗi không có sự khác nhau giữa tội, phước. Hai bài kệ còn lại, dễ hiểu.

Hỏi: “v.v... trở xuống, là lượt thứ năm, tiếp theo, là phá quả báo của nghiệp. Trước hỏi, tiếp theo là đáp. Về ý hỏi có hai:

1/ Nhận lãnh nhân “không”, vẫn như trên, sau cùng, dùng phiền não để phá nghiệp sinh.

2/ Lập quả “có”

Đáp rằng: “v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá:

“Ông đã lấy quả “có” để chứng minh nhân “có”, nay tôi dùng nhân “không” để nghiệm quả là “không”.

Văn xuôi, trước giải thích nửa bài kệ trên.

“Nay, các phiền não v.v... trở xuống, là giải thích nửa bài kệ dưới.”

Hỏi: “Phiền não và nghiệp so với quả khác nhau thế nào?”

Đáp: “Luận Câu Xá nói: “Phiền não trực tiếp làm cho quả “có”; nghiệp khiến cho quả của sáu đường khác nhau. Tương ứng với văn xuôi của văn này.”

Hỏi rằng: “v.v... trở xuống, là lượt thứ sáu, phá nghĩa của người khởi nghiệp: Từ trên đến đây, năm đoạn đều là phá pháp. Nay, kế là phá “người”. “Pháp” là gốc của “người”. Lại, nội học thường chấp có “pháp”, nên trước phá “pháp”, sau phá “người”. Trước lập, kế là phá. Lập được chia làm ba:

1/ Văn xuôi phát khởi

2/ Bản bài kệ chính thức lập

3/ Giải thích

Văn xuôi có hai: Đầu tiên, là lãnh hội nhân quả trước là “không”.

“Mà kinh nói v.v... trở xuống, là lập có “người”, “pháp”.

Bản bài kệ chính là lập nhân tố của “người”. Tỳ Bà Sa nói: “Vô minh che lấp mắt người kia, kiết ái ràng buộc thân họ, tức là từ si có ái. Do nhân duyên si, ái, nên khởi nghiệp, nhân duyên nghiệp, nêu thọ thân trong sáu đường.

Nửa bài kệ dưới lập tác, thọ có hai, nghĩa là không phải “một”, không phải “khác”. Về nghĩa của pháp thật là “người” diệt trước, bò sinh sau, cho nên “không phải một”. Giả gọi nối tiếp nhau chuyển người thành bò, cho nên “không khác”. Cũng được ước định hai hình: người, và trâu, cho nên không phải một”. Thần minh không có riêng, cho nên không “khác”.

Đáp: “Hai bài kệ giữa chia làm hai:

1/ Kệ đầu, nói nhân của “người”, “pháp” là không có.

2/ Kệ tiếp theo, quả của “người”, “pháp” là “không”.

Nửa trên của bài kệ trước, nói “pháp” được khởi là “không”.

Nửa kệ dưới, là nói vì người năng khởi là không. Nửa trên của bài kệ thứ hai là nói nhân của người và pháp là không, cho nên của pháp là “không”, nửa bài kệ dưới là nói vì quả của pháp.

Kinh Niết-bàn chép: “Nghe không có tạo tác, không có thọ, thì năm tội nghịch được tiêu diệt”. Nay, hai bài kệ này nói không có “người” tạo tác, “pháp” tạo tác; không có quả được thọ, người năng thọ, thì năm nghịch liền tiêu diệt. Cũng là hai nhân: Sinh, pháp nhân, hai vô ngã nhân, vô ngã và pháp vô ngã. Đây là do bản tánh “không”, chứ chẳng phải do phân tích, mà không, cho nên “không”.

Vấn xuôi chia làm ba:

Đầu tiên, giải thích bản bài kệ, tức là nghĩa phá.

“Nghiệp có ba thứ v.v... trở xuống, là giải thích riêng nghĩa lập. Thân, miệng, ý là ba, cũng là ba thứ tội, phước, bất động v.v.... Đây là giải thích riêng về nghĩa nghiệp.

Trong năm ấm, giả gọi là “người”, đây là giải thích người khởi nghiệp.

“Nghiệp này v.v... trở xuống, là giải thích quả báo. Người thọ quả, tức là người khởi nghiệp, cho nên không giải thích riêng.

“Nếu người khởi nghiệp v.v... trở xuống, là phần thứ ba, lại kết thành ý phá.”

Hỏi rằng: “ v.v... trở xuống, là đoạn thứ bảy, phá việc mất hiện thấy. Trước hỏi, tiếp theo đáp.

Lý lẽ thí dụ của người ngoài, dù quanh co mà tâm mê “hoặc” không dứt trừ, nên nêu việc hiện thấy để hỏi Luận chủ. Hỏi có hai:

1/ Nhận lãnh việc bị đả phá ở trên, mà nay hiện thấy v.v... trở xuống, là chính là nêu hiện sự để hỏi Luận chủ.

Nếu “người”, và “pháp” đều không, thì mất không nên thấy. Nếu mất người kia thấy thì “người”, “pháp” chẳng phải không có. Lại, nghe

trước kia không có, nay do hiện thấy có, xin Luận chủ giải thích? nên nói: thế nào?

Lại, một lời trên đây đã cùng cực, nay nêu hai mắt để bào chữa.

“Đáp rằng v.v... trở xuống, là ba bài kệ được chia làm hai:

1/ Hai kệ đầu, nói riêng về pháp dụ.

2/ Một kệ tiếp theo, nói chung pháp dụ.

- Phần trước lại được chia làm hai:

1/ Kệ đầu, nêu dụ

2/ Kệ tiếp theo, hợp dụ

Sở dĩ nêu sự biến hóa lần nữa để được hiểu rõ hơn, là vì ông nói là hiện thấy, thì phải “có”, nếu “không” thì lẽ ra chẳng thấy. Điều này không đúng! Bởi mắt cũng thấy biến hóa, có thể nói “có” ư? Mắt dù thấy biến hóa đã “không”, mắt thấy việc sáu đường, cũng đồng như vậy.

Lại, từ trên đến đây, sáu lượt đã nói về nghiệp rất ráo “không”, chẳng có nghĩa “có”. Trước kia, đã nói có “không có sở hữu”, để phá tâm chấp mắc “có”. Nay, nói có “không sở hữu”, nhằm dứt tâm chấp có nay nói vô sở hữu có để dứt trừ chấp không tức là y cứ nghĩa nghiệp để nói về Trung đạo.

Lại, từ trên đến đây, đã phá nhất định có tánh, một lượt này mới bắt đầu trình bày kinh, nói về nhân duyên thế đế “có” như trò ảo thuật, mà có. Cái “có” này không có “sở hữu”, mới là chân đế.

Lạ, từ trên đến đây, đã y cứ môn pháp thuyết để phá nghiệp. Nay, một lượt này là y cứ ở dụ thuyết để phá nghiệp, cụ thể như trong phần cuối phẩm Ba Tướng đã giải thích cặn kẽ.

Từ trên đến đây, đã phá nghiệp “đoạn”, “thường” của người ngoài rồi là nói rất ráo “không” như thế thì phá bệnh mới xong. Nay, mới trình bày hai đế của kinh. Tăng Triệu đã dùng văn này để sáng tác luận Bất chân không. Ví như người huyễn hóa, chẳng phải không có người huyễn hóa, mà người huyễn hóa chẳng phải là người thật.

Chẳng phải không có người huyễn hóa, tức tục đế, người huyễn hóa chẳng phải người thật, là chân đế. Lại, chẳng phải không có người huyễn hóa, chứng tỏ chẳng phải “không có” nghĩa. Không phải là người thật, chứng tỏ nghĩa “chẳng phải có”, đều là nói tục đế huyễn; sáu đường rõ ràng mà thường bốn dứt bật. Bốn dứt bật rõ ràng mà sáu đường không mất.

Hỏi: “Vì sao nêu đức Thế Tôn lại biến hóa?”

Đáp: “Sự biến hóa của Phật và sự biến hóa của người khác, gồm

có ba điểm khác nhau:

1/ Phật có thể biến hóa lại, người khác thì không thể.

2/ Sau Phật diệt độ, có thể để lại sự biến hóa, người khác không thể.

3/ Với người khác, hễ hóa chủ nói, thì người biến hóa im lặng; nếu người biến hóa nói, thì hóa chủ im lặng. Phật có thể đều cùng nói, đều cùng im lặng.

Nửa trên của bài kệ thứ ba, giải thích rộng về “pháp”; nửa bài kệ dưới, nói rộng về dụ.

Văn xuôi, đầu tiên, là giải thích bài kệ trước.

“Thân sinh tử như thế v.v... trở xuống, là giải thích hợp dụ của bài kệ thứ hai.”

Các phiên nã: là giải thích bài kệ thứ ba.

Trước hết, là giải thích nửa bài kệ trên. Giải thích bốn pháp trong nửa bài kệ trên:

1/ Giải thích phiên nã

2/ Giải thích nghiệp

3/ Giải thích tác giả

4/ Giải thích quả báo

Có chia ra chín mươi tám sử. Tỳ-Bà-Sa nói: “Đức Phật chỉ nói bảy sử. Ca-chiên diên, người thông minh, căn cơ nhạy bén, đã chia bảy sử thành chín mươi tám, tương ứng với văn này.

Lại, Luận Thành Thật phá chín mươi tám sử rằng: “Phiên nã tùy địa, không tùy cõi, đâu chỉ chín mươi tám, thì biết chín mươi tám không phải do Phật nói. Ba độc, chín mươi tám sử chỉ là chánh sử căn bản. Chín kiết: bảy sử và keo kiệt, ghanh tị, là chi căn hợp thuyết. Mười triền, sáu cấu, chỉ nói chi nhánh nhóc.

Vô lượng các phiên nã: Nói tóm tắt có tám trăm; nói rộng, có tám vạn bốn ngàn. “Nghiệp, gọi là nghiệp, thân, miệng, ý v.v... trở xuống, là giải thích nghiệp trong bài kệ. Đầu tiên, nói về ba nghiệp.

“Đời nay, đời sau v.v... trở xuống, là y cứ ba tánh để nói về nghiệp.”

“Báo khổ v.v... trở xuống, là y cứ môn Ba thọ để nói về nghiệp.”

“Hiện báo v.v... trở xuống, là y cứ môn Ba báo, để nói về nghiệp.”

Vô lượng pháp như thế v.v.... Từ trên đến đây, chỉ là bốn thứ ba môn nói về nghiệp. Lại có vô lượng các môn của bốn nghiệp, mười nghiệp.

Tác, nghĩa là giải thích tác giả trong bài kệ.

“Báo khác v.v... trở xuống, là giải thích chữ “quả báo” trong bài kệ.

Như thế v.v... v.v... trở xuống, là giải thích nửa dưới của bài kệ thứ ba.

